

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT HỌ CÚC (ASTERACEAE) TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

11 – 03 – 2018

Chấp nhận đăng:

28 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Ngô Thị Hoàng Vân

Tóm tắt: Nghiên cứu đã ghi nhận được hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng khá đa dạng với 44 loài phân bố vào 33 chi, 8 tông và 3 phân họ - theo hệ thống phân loại của Armen Takhtajan (2009). Trong đó, phân họ có số chi và loài nhiều nhất là Asteroideae với 5 tông, 29 chi, 39 loài. Các loài thực vật họ Cúc phân bố khá rộng rãi tại cả 3 vùng sinh cảnh gồm đồi núi, đồng bằng và ven biển tại thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự đa dạng về giá trị sử dụng của hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng bao gồm làm thuốc, làm cảnh, làm rau ăn, cho tinh dầu, làm thức ăn chăn nuôi và làm phân xanh. Trong đó, nhóm cây có giá trị làm thuốc chiếm tỉ lệ cao nhất với 25 loài (56,81%).

Từ khóa: đa dạng; danh lục hệ thực vật; họ Cúc; Đà Nẵng.

1. Mở đầu

Họ Cúc (Asteraceae hay Compositae) là họ thực vật tiến hóa nhất và chiếm số lượng lớn trong hệ thống phân loại giới Thực vật. Các loài thực vật thuộc họ này từ lâu đã được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như: dược liệu (Cỏ hôi, Cỏ mực, Ngải cứu...), thực phẩm (Cúc tần ô, Xà lách...), trồng làm cảnh (Vạn thọ, Hướng dương, Đồng tiền...).

Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí 15°55'20"B - 16°14'10"B, 107°18'30" - 108°20'00"Đ, với phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp Biển Đông. Đây là một thành phố ven biển với nhiều loại địa hình đa dạng và cũng là nơi giao thoa của các tiêu vùng khí hậu và những trung tâm đa dạng sinh học lớn như Bạch Mã, Ngọc Linh. Chính vì vậy, Đà Nẵng mang trong mình giá trị lớn về đa dạng sinh học và các kiểu hệ sinh thái phong phú. Những năm gần đây, sự phát triển của đô thị hóa và ngành du lịch đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thực vật tại thành phố Đà Nẵng nói chung và hệ thực vật họ Cúc tại đây nói riêng.

Mặc dù đã có một số đề tài đánh giá tổng quát về đa dạng sinh học được nghiên cứu tại Đà Nẵng, tuy nhiên vẫn chưa có đánh giá đầy đủ sự đa dạng riêng về thực vật họ Cúc tại đây. Nhằm có những đánh giá khái quát về một trong những họ thực vật quan trọng này, bài báo cung cấp những thông tin về mức độ đa dạng thành phần loài của các loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng cũng như tìm hiểu về sự phân bố và giá trị sử dụng. Qua đó làm cơ sở cho việc nhận biết, sử dụng hiệu quả một cách bền vững và bảo tồn những loài thực vật họ Cúc có giá trị; đồng thời có thể giúp cho việc thu thập, xây dựng các tiêu bản thực vật phục vụ cho giáo dục đào tạo.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Thực vật họ Cúc (Asteraceae) mọc hoang dại hoặc được trồng tại thành phố Đà Nẵng.

- Nghiên cứu thực địa và thu mẫu theo phương pháp Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [14], R. M. Klein và D. T. Klein (1979) [13].

- Thời gian khảo sát thực địa tiến hành từ tháng 1/2018 đến tháng 09/2018.

- Phân tích mẫu dưới kính hiển vi soi nổi và kính hiển vi quang học theo phương pháp của R. M. Klein và

* Tác giả liên hệ

Ngô Thị Hoàng Vân

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: ntvhan@ued.udn.vn

D. T. Klein (1979), chụp ảnh các cơ quan sinh sản của từng loài.

- Định loại mẫu theo phương pháp so sánh hình thái và xác định các thông tin bổ sung như công dụng, dạng sống dựa vào các tài liệu sau: Cây cỏ Việt Nam, quyển III (Phạm Hoàng Hộ, 2003) [9]; Thực vật chí Việt Nam, tập 7 (Lê Kim Biên, 2007) [4]; Flora of China, Vol 20 - 21 (Shi Zhu & cs., 2011) [16]; Flora of North America, Vol 19, 20, 21 (Theodore M. Barkley, Luc Brouillet, John L. Strother, 2006) [18]; Flora of Taiwan, Vol 3, Department of Botany, National Taiwan University (1993) [15].

- Tìm hiểu về công dụng của các loài thực vật họ Cúc phân bố tại thành phố Đà Nẵng bằng các tài liệu sau: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2003) [10]; Từ điển thực vật thông dụng (Võ Văn Chi, 2003 & 2004) [6]; Cây rau làm thuốc (Võ Văn

Chi, 1998) [5]; Cây cỏ có ích Việt Nam (Võ Văn Chi & Trần Hợp, 1999) [7]; 1900 loài cây có ích (Trần Đình Lý, 1993) [11].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đa dạng thành phần loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

Kết quả điều tra, nghiên cứu và phân tích bước đầu đã xác định được tại thành phố Đà Nẵng có 44 loài thực vật thuộc họ Cúc phân bố vào 33 chi, 8 tông và 3 phân họ theo hệ thống phân loại của Armen Takhtajan (2009) [17]. Sự phân bố của các bậc phân loại trong họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Sự phân bố các bậc phân loại trong họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

STT	Phân họ	Tông		Chi		Loài	
		Số lượng (loài)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (loài)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (loài)	Tỉ lệ (%)
1	Mutisioideae	1	12,5	1	3,03	1	2,27
2	Cichorioideae	2	25,0	3	9,09	4	9,09
3	Asteroideae	5	62,5	29	87,87	39	88,63
Tổng		8	100	33	100	44	100

Số liệu nghiên cứu về đa dạng thành phần loài họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng được ghi nhận, sắp xếp theo hệ thống phân loại của Armen Takhtajan (2009) [17] và trình bày trong Bảng 2.

Trong 3 phân họ có mặt trên địa bàn nghiên cứu, phân họ Cúc (Asteroideae) là phân họ đa dạng nhất thể hiện ở số lượng loài và các taxon trên loài. Chúng tôi đã xác định được 39 loài phân bố trong 5 tông và 29 chi của phân họ Cúc. Trong đó Heliantheae là tông đa dạng nhất với 20 loài phân bố trong 16 chi. Có số lượng loài ít hơn là tông Astereae với 7 loài phân bố trong 5 chi. Tông Senecioneae và Anthemideae chỉ gồm 5 loài phân bố trong 3 chi. Tông kém đa dạng nhất là Inuleae chỉ với 2 loài phân bố trong 2 chi.

Phân họ Rau diếp (Cichorioideae) và phân họ Cúc Ánh lệ (Mutisioideae) kém đa dạng hơn nhiều so với phân họ Cúc (Asteroideae). Tại thành phố Đà Nẵng, đã xác định được 4 loài phân bố trong 3 chi và 2 tông thuộc

phân họ Rau diếp. Trong đó, tông Cichorieae đa dạng hơn với 2 loài phân bố trong 2 chi. Phân họ kém đa dạng nhất là Cúc Ánh lệ chỉ gồm 1 loài và 1 chi.

Số liệu nghiên cứu về đa dạng thành phần loài họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng được ghi nhận, sắp xếp theo hệ thống phân loại của Armen Takhtajan (2009) [17] và trình bày trong Bảng 2.

3.2. Sự phân bố các loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

Trong 44 loài được nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có 24 loài hoang dại và 20 loài được trồng (Bảng 2). Quá trình nghiên cứu cũng nhận thấy các loài thực vật họ Cúc phân bố khá rộng rãi ở cả 3 vùng sinh cảnh được nghiên cứu gồm đồi núi, đồng bằng và ven biển. Trong đó có 13 loài phân bố ở cả 3 vùng sinh cảnh này gồm dạ hương ngư, rau tàu bay, chua lè, chua lè nhám, rau má tía, thượng lão, cúc voi, *Symphytotrichum subulatum*, đơn kim, đơn buốt, cúc vàng bờ, cúc xuyên chi và miêu tinh thảo (Bảng 2).

Bảng 2. Danh lục thành phần loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

STT	Phân họ	Tông	Chi	Loài	Tên thông	Phân bố
-----	---------	------	-----	------	-----------	---------

					dụng	Trồng	Hoang đại			
							Đồi núi	Đồng bằng	Ven biển	
1	Mutisioideae	Mutisieae	<i>Gerbera</i>	<i>G. jamesonii</i> Bolus ex. Hook. f.	Cúc đồng tiền, Cúc Nhật Bản	+	-	-	-	
2	Cichorioideae	Vernonieae	<i>Vernonia</i>	<i>V. cinerea</i> (L.) Less.	Dạ hương ngưu	-	+	+	+	
3				<i>V. patula</i> (Dryand.) Merr.	Nút áo tím, Bạch đầu nhỏ	-	+	+	-	
4				Cichorieae	<i>Lactuca</i>	<i>L. sativa</i> L.	Xà lách, Rau diếp	+	-	-
5		<i>Youngia</i>	<i>Y. japonica</i> (L.) DC.		Cải đồng, Cải đại Nhật	-	+	+	-	
6		Asteroideae	Senecioneae	<i>Crassocephalum</i>	<i>C. crepidioides</i> (Benth.) S. Moore	Rau tàu bay	-	+	+	+
7	<i>Emilia</i>			<i>E. gaudichaudii</i> Gagnep.	Chua lè, Rau bọ xít	-	+	+	+	
8				<i>E. scabra</i> DC.	Chua lè nhám	-	+	+	+	
9				<i>E. sonchifolia</i> (L.) DC.	Rau má tía, Rau má lá rau muống	-	+	+	+	
10	<i>Gynura</i>			<i>G. bicolor</i> (Willd.) DC.	Bầu đất lá mác	-	-	+	-	
11	Astereae			<i>Conyza</i>	<i>C. canadensis</i> (L.) Cronq.	Thượng lão, Ngải đại, Tai hùm	-	+	+	+
12					<i>C. sumatrensis</i> (Retz.) Walk.	Cúc voi, Ngải đỏ đầu	-	+	+	+
13			<i>C. bonariensis</i> (L.) Cronq.		Cúc lá nháp	-	-	+	-	
14			<i>Microglossa</i>	<i>M. pyrifolia</i> (Lamk.) Kuntze	Vì thiệt, Đồng đơn, Ro ro cu	-	+	-	-	
15			<i>Solidago</i>	<i>S. virgaurea</i> L.	Hoàng kim phượng, Nhất chỉ hoàng hoa	+	-	-	-	
16			<i>Symphotrichum</i>	<i>S. subulatum</i> (Michaux) G. L. Nesom		-	+	+	+	
17			<i>Aster</i>	<i>A. amellus</i> L.	Cúc cánh mối, Thạch thảo	+	-	-	-	
18			Anthemideae	<i>Artemisia</i>	<i>A. vulgaris</i> L.	Ngải cứu, Thuốc cứu	+	+	+	-
19	<i>Chrysanthemum</i>			<i>C. coronarium</i> L.	Cải cúc, Cúc tân ô	+	-	-	-	
20				<i>C. indicum</i> L.	Cúc vàng	+	-	-	-	
21				<i>C. morifolium</i> Ramat.	Cúc mâm xôi	+	-	-	-	
22	<i>Crossostephium</i>			<i>C. artemisioides</i> Less.	Cúc mốc, Nguyệt bạch, Phù dung cúc	+	-	-	-	
23	Inuleae		<i>Blumea</i>	<i>B. balsamifera</i> (L.) DC.	Đại bi, Từ bi xanh, Băng phiến	-	+	-	-	
24		<i>Epilates</i>	<i>E. australis</i> Less.	Lức bò, Thuốc mông	-	+	+	-		

25	Heliantheae	<i>Bidens</i>	<i>B. leucorhiza</i> (Lour.) DC.	Phượng phụng, Đon kim	-	+	+	+
26			<i>B. pilosa</i> L.	Đon buốt, Quý trâm thảo, Song nha lông	-	+	+	+
27		<i>Cosmos</i>	<i>C. sulphureus</i> Cav.	Hoa chuồn chuồn, Chuồn chuồn hoa vàng	+	-	-	-
28		<i>Dahlia</i>	<i>D. pinata</i> Cav.	Thuộc dược, Đại lệ cúc	+	-	-	-
29		<i>Eclipta</i>	<i>E. prostrata</i> (L.) L.	Nhọ nổi, Cỏ mực	-	+	+	-
30		<i>Helianthus</i>	<i>H. annuus</i> L.	Hướng dương, Hoa mặt trời	+	-	-	-
31		<i>Melampodium</i>	<i>M. divaricatum</i> (Pers.) DC.	Cúc gót, Cúc mặt trời	+	-	-	-
32		<i>Synedrella</i>	<i>S. nodiflora</i> (L.) Gaertn.	Cỏ thỏ, Bọ xít, Tô ong, Cỏ hôi	-	+	+	-
33		<i>Tagetes</i>	<i>T. erecta</i> L.	Cúc vạn thọ	+	-	-	-
34			<i>T. patula</i> L.	Cúc cà cuống, Cúc vạn thọ lùn	+	-	-	-
35			<i>T. tenuifolia</i> Cav.	Vạn thọ lá nhỏ	+	-	-	-
36		<i>Tridax</i>	<i>T. procumbens</i> L.	Thu thảo, Cúc xuyên chi, Cỏ mui, Sài lông	-	+	+	+
37		<i>Wedelia</i>	<i>W. trilobata</i> (L.) Hitchc.	Cúc vàng bò	+	+	+	+
38			<i>W. biflora</i> (L.) DC.	Hải cúc	-	+	-	-
39		<i>Titthonia</i>	<i>T. tagetiflora</i> Desf.	Sơn quỳ	+	-	-	-
40		<i>Zinnia</i>	<i>Z. elegans</i> Jacq.	Di nha, Duyên cúc, Hoa cánh giấy	+	-	-	-
41		<i>Ageratum</i>	<i>A. conyzoides</i> L.	Cỏ cắt lợn, Cỏ hôi, Bồng thúí	-	+	+	-
42		<i>Chromolaena</i>	<i>C. odorata</i> (L.) R. M. King & H. Rob.	Cỏ lảo, Yên bạch, Cây Cộng sản	-	+	+	-
43		<i>Praxelis</i>	<i>P. clematidea</i> (Kuntze) R. M. King & H. Rob.	Miêu tinh thảo	-	+	+	+
44	<i>Thymophylla</i>	<i>T. tenuiloba</i> (DC.) Small	Cúc sao băng	+	-	-	-	

Những kết quả nghiên cứu về đa dạng thực vật tại những khu vực thành phố Đà Nẵng trong những nghiên

cứu trước đã ghi nhận được 8 loài thực vật họ Cúc phân bố tại bán đảo Sơn Trà [12], có 19 loài thực vật họ Cúc phân

bổ tại khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa [1]. Như vậy, với 44 loài thực vật họ Cúc đã được ghi nhận trong kết quả này đã bổ sung 30 loài và 23 chi vào danh lục hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng.

So sánh với hệ thực vật họ Cúc phân bố ở Quảng Nam (31 loài) [8], hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng đa dạng hơn với 44 loài, tuy nhiên lại thiếu vắng những loài đặc trưng cho vùng ven biển.

Đặc biệt chúng tôi chú ý đến sự phân bố khá rộng rãi một số loài nằm trong danh mục loài ngoại lai xâm hại theo Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ban hành ngày 26 tháng 9 năm 2013) bao gồm cỏ lào, cỏ cứt lợn, cúc vàng bò [2]. Đây là những loài có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam và nhanh chóng sinh sôi, lan rộng một cách khó kiểm soát làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vùng phân bố và cạnh tranh dinh dưỡng hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, điều này khiến hệ sinh thái nơi chúng xuất hiện bị mất cân bằng. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy loài miêu tinh thảo cũng có khu vực phân bố rộng rãi và có dấu hiệu xâm lấn các loài thực vật bản địa. Vì vậy cần kịp thời có biện pháp ngăn chặn mối đe dọa đối với hệ sinh thái bản địa.

3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng của hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

Dựa vào các tài liệu tham khảo và kinh nghiệm của người dân, chúng tôi nhận thấy những loài thực vật trong họ này có nhiều tiềm năng sử dụng (Bảng 3).

Bảng 3. Giá trị sử dụng của hệ thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng

STT	Giá trị sử dụng	Số loài	Tỷ lệ
1	Cây làm thuốc	25	56,81%
2	Cây làm cảnh	18	40,91%
3	Cây làm rau	8	18,18%
4	Cây cho tinh dầu	1	2,27%
5	Cây làm thức ăn chăn nuôi	1	2,27%
6	Cây làm phân xanh	1	2,27%

Nhìn chung, các loài được dùng làm thuốc chiếm tỉ lệ cao nhất (56,81%), kế tiếp là làm cảnh (40,91%), làm

rau (18,18%), còn các lợi ích khác chiếm tỉ lệ thấp, không đáng kể (2,27%).

Do hoa của một số loài đẹp và lâu tàn như chi *Chrysanthemum*, *Helianthus*, *Tagetes*, *Tithtonia*... nên được nhiều người ưa chuộng trồng làm cảnh hoặc trồng với mục đích kinh tế, đặc biệt là nhiều loài thuộc chi *Chrysanthemum* được lai tạo, có màu sắc đẹp.

Nhiều loài trong số này có nhiều giá trị sử dụng. Có loài vừa làm rau vừa làm thuốc như: cải đồng, rau má tía, cỏ lào hoặc vừa làm cảnh vừa làm thuốc như: hướng dương, cúc vạn thọ, hoa chuồn chuồn, cúc mốc, hoàng kim phượng. Cây cỏ lào phân bố khá rộng rãi trong tự nhiên và mang nhiều giá trị sử dụng, chúng vừa dùng làm rau, vừa làm thuốc và cũng là cây phân xanh.

4. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Hệ thực vật họ Cúc phân bố tại thành phố Đà Nẵng gồm có 44 loài thực vật thuộc họ Cúc phân bố trong 33 chi, 8 tông và 3 phân họ. Trong đó, phân họ Cúc (Asteroideae) là phân họ đa dạng nhất thể hiện ở số lượng loài và các taxon trên loài.

- Sự phân bố các loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng nhìn chung khá rộng rãi ở cả 3 vùng sinh cảnh gồm đồi núi, đồng bằng và ven biển. Có 13 loài trong danh lục phân bố ở cả 3 vùng sinh cảnh này. Đặc biệt, có 3 loài là cỏ lào, cỏ cứt lợn và cúc vàng bò. Ngoài ra, loài miêu tinh thảo cũng phân bố rất rộng trong khu vực và có dấu hiệu xâm lấn các loài thực vật bản địa. Vì vậy chúng tôi kiến nghị cần kịp thời có biện pháp ngăn chặn mối đe dọa đối với hệ sinh thái bản địa.

- Về giá trị sử dụng, các loài thực vật họ Cúc tại thành phố Đà Nẵng có nhiều tiềm năng sử dụng với 25 cây làm thuốc (56,81%), 18 cây làm cảnh (40,91%), 8 cây làm rau (18,18%), 1 cây cho tinh dầu (2,27%), 1 cây làm thức ăn chăn nuôi (2,27%) và 1 cây làm phân xanh (2,27%).

Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Thị Phương Anh, Nguyễn Thị Đào (2002). *Nghiên cứu đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa*. Đề tài cấp Bộ trọng điểm, Mã số: NCCB.61.06.01.
- [2] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2013). *Thông tư liên tịch quy*

- định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tiến Bản (2005). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập III*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 346 - 421.
- [4] Lê Kim Biên (2007). *Thực vật chí Việt Nam, tập 7*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [5] Võ Văn Chí (1998). *Cây rau làm thuốc*. NXB Tổng hợp Đồng Tháp.
- [6] Võ Văn Chí (2003, 2004). *Từ điển thực vật thông dụng, tập I, tập II*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [7] Võ Văn Chí, Trần Hợp (1999). *Cây cỏ có ích, tập I, tập II*. NXB Tp Hồ Chí Minh.
- [8] Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam (2017). *Báo cáo điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu và bộ sưu tập đa dạng sinh học tỉnh Quảng Nam năm 2017*.
- [9] Phạm Hoàng Hộ (2003). *Cây cỏ Việt Nam, quyển III*. NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
- [10] Đỗ Tất Lợi, (2003). *Những cây và vị thuốc Việt Nam*. NXB Y học, Hà Nội.
- [11] Trần Đình Lý (1993). *1900 loài cây có ích*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [12] Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội (2010). *Dự án bảo tồn đa dạng sinh học khu Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà*.
- [13] R. M. Klein và D. T. Klein (Nguyễn Như Khánh và Nguyễn Tiến Bản dịch) (1979). *Phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [15] Department of Botany, National Taiwan University (1993). *Flora of Taiwan*. 3, China.
- [16] Shi Zhu, Chen Yilin (et al.) (2011). *Flora of China*. Science Press (Beijing) & Missouri Botanical Garden Press, 20 - 21.
- [17] Armen Takhtajan (2009). *Flowering plants*. Springer.
- [18] M. Barkley Theodore, Brouillet Luc, L. Strother John (2006). *Flora of North America*. Oxford University Press, 19 - 20 - 21.

DIVERSITY SPECIES COMPOSITION OF FAMILY ASTERACEAE Dumort. IN DANANG CITY

Abstract: The results of our study showed that Asteraceae flora in Danang city is quite diverse with 44 species distributed in 33 genus, 8 tribes and 3 subfamilies (according to the classification system of Armen Takhtajan, 2009). Among these subfamilies, the highest number of genus and species are Asteroideae with 5 tribes, 29 genus and 39 species. These species are widely distributed in all 3 habitat types including mountain, delta and coastal in Danang city. The results also show that the diversity in usage value of the Asteraceae flora in Danang includes medicinal and ornamental plants, vegetables, essential oils, for animal feed and compost. In which, the medicinal plants are the highest percentage with 25 species (56,81%).

Key words: diversity; list of flora; Asteraceae; Danang.